HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ ĐỨC THỊNH

Phụ lục số 02

QUYẾT TOÁN THU NSNN, THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 09 /NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Đức Thịnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm		So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND xã quyết định	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Thu ngân sách xã	Cấp trên giao	HĐND xã quyết định
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)=(3):(1)*	*(6)=(3):(2)*
	TỔNG SỐ (A+B +C+D)	**262.658.858.000**	**346.317.162.823**	**477.816.383.597**	**384.596.912.835**	**182%**	**138%**
A	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**51.197.000.000**	**132.566.628.000**	**158.434.472.646**	**65.615.651.884**	**309%**	**120%**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	20.000.000	20.000.000	73.428	0		
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.130.000.000	9.130.000.000	12.017.609.412	3.110.406.800	132%	132%
	- Thuế giá trị gia tăng			9.658.102.961	2.624.660.464		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			1.856.427.541	384.410.166		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			2.400.000	1.200.000		
	- Thuế tài nguyên			500.678.910	100.135.988		
3	Lệ phí trước bạ	3.140.000.000	3.140.000.000	7.360.640.771	1.095.428.383	234%	234%
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	33.000.000	33.000.000	35.504.463	35.504.463	108%	108%
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.359.000.000	1.359.000.000	4.456.762.547	0	328%	328%
6	Phí, lệ phí, phí muôn bài, Trung ương, tỉn	430.000.000	551.750.000	624.558.468	579.264.300	145%	113%
7	Tiền sử dụng đất	36.000.000.000	117.000.000.000	132.107.709.975	59.448.469.494	367%	113%
8	Thu tiền thuê đất	510.000.000	510.000.000	305.343.420	86.959.044	60%	60%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện	0	226.878.000	279.543.000	83.862.900		

TT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm		So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND xã quyết định	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Thu ngân sách xã	Cấp trên giao	HĐND xã quyết định
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	175.000.000	175.000.000				
11	Thu khác ngân sách	400.000.000	421.000.000	825.448.162	754.477.500	206%	196%
12	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng			421.279.000	421.279.000		
B	**THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH**	**211.461.858.000**	**211.461.858.000**	**317.093.234.128**	**316.692.584.128**	**150%**	**150%**
I	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**211.461.858.000**	**211.461.858.000**	**316.692.584.128**	**316.692.584.128**	**150%**	**150%**
1	Bổ sung cân đối	195.398.134.000	195.398.134.000	200.910.138.000	200.910.138.000	103%	103%
2	Bổ sung có mục tiêu	16.063.724.000	16.063.724.000	115.782.446.128	115.782.446.128	721%	721%
II	**Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên**			**400.650.000**	**0**		
C	**THU CHUYỂN NGUỒN**		**1.764.379.110**	**1.764.379.110**	**1.764.379.110**		**100%**
D	**THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH**		**524.297.713**	**524.297.713**	**524.297.713**		**100%**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

###########

480

#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!

###########	
#REF!	**#REF!**
73.428	
8.856.674.702	3.109.802.676
6.983.456.499	2.624.036.522
1.471.474.281	384.340.166
1.200.000	1.200.000
400.543.922	100.135.988
6.265.212.388	1.095.428.383
0	35.504.463
4.456.762.547	
4.000.000	579.624.300
###########	59.448.469.494
218.384.376	86.959.044
195.680.100	83.862.900

58.469.925	
###########	Tổng tăng thu

#REF!

#REF!	Tăng thu tiền đất

480	##########

18.422.695 754.477.500

400.650.000

200.910.138.000

118.187.446.128

1.764.379.110

524.297.713

